

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tuấn Nhu

*Các Hôi thâm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Bà Phạm Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:  
Ông Nguyễn Trúc Giang, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2018/TLST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở chính: Số 442 đường K, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường M, Phường O, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đỗ Minh T; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc C, năm sinh 1977 (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 281/UQ-QLN.19 ngày 07/5/2019)

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U; Địa chỉ: Số 1113 đường N, Phường W, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1, năm sinh 1981; Địa chỉ: Số 35 đường V, Phường S, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ông Nguyễn Minh T1, năm sinh 1981; Địa chỉ: Số 35 đường V, Phường S, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2 Bà Nguyễn Thị Huỳnh T2, năm sinh 1985; Địa chỉ: Số 78/29 đường H, Phường Z, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T2: Ông Nguyễn Minh T1, năm sinh 1981; Địa chỉ: Số 35 đường V, Phường S, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2018).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông Phạm Quốc C - người đại hợp pháp trình bày: Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHT.DN.282.120716 ngày 19/7/2016; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHT.DN.1867.270317 ngày 31/3/2017 và Biên bản thỏa thuận số PHT.DN.1867.270317 ngày 31/3/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt Ngân hàng A) cấp tín dụng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U (viết tắt Công ty U):

1/ Hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.283.120716 ngày 19/7/2016 với tổng mức cấp tín dụng là 2.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, phương thức vay theo hạn mức và mục đích là bổ sung vốn lưu động. Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty U bằng các khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 05, tài khoản số: 230823039 ngày 20/01/2017 với mức cấp tín dụng 900.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay trong hạn 9.3%/năm, từ ngày 20/4/2017 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2019, Công ty U còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc 900.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 7.875.000 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 272.081.250 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi 1.179.956.250 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 06, tài khoản số: 235158919 ngày 31/3/2017 với mức cấp tín dụng là 750.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay trong hạn là 9.3%/năm, từ ngày 01/7/2017 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2019, Công ty U còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc 750.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 25.181.507 đồng, tiền lãi quá hạn 200.327.055 đồng, tiền lãi phạt 4.571.912 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi 980.080.474 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 07, tài khoản số: 235491519 ngày 05/4/2017 với mức cấp tín dụng 350.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay trong hạn 9.3%/năm, từ ngày 06/7/2017 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2019, Công ty U còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 11.751.370 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 92.730.822 đồng, tiền lãi phạt 2.117.461 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi 456.599.653 đồng.

2/ Hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.295.120176 ngày 19/7/2016 với hạn mức cấp tín dụng 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, phương thức vay thấu chi, lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2019, Công ty U còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc 399.677.414 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 3.774.771 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 115.240.321 đồng, tiền lãi phạt 965.899 đồng, phí quản lý thấu chi 1.600.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 521.258.404 đồng.

Tổng dư nợ của tất cả các khoản vay trên tính đến ngày 11/6/2019 là 3.137.894.782 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 2.399.677.414 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 48.582.648 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 680.379.448 đồng, tiền lãi phạt 7.655.272 đồng và phí 1.600.000 đồng.

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Minh T1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHT.BĐDN.97.120716 ngày 15/7/2016, giấy cam kết về việc trả nợ ngày 19/7/2016 của ông Nguyễn Minh T1 và Chứng thư bảo lãnh ngày 06/10/2015 của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu Công ty U trả tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 11/6/2019 là 3.137.894.782 đồng, trong đó tiền nợ gốc 2.399.677.414 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 48.582.648 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 680.379.448 đồng, tiền lãi phạt 7.655.272 đồng và phí 1.600.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày 12/6/2019 trở đi nếu Công ty U không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Cần Thơ cấp thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh T1. Đồng thời buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty U như đã cam kết.

Bị đơn Công ty U vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa;

Ông Phạm Quốc C - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Công ty U trả số tiền là 3.137.894.782 đồng, trong đó tiền nợ gốc 2.399.677.414 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 48.582.648 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 680.379.448 đồng, tiền lãi phạt 7.655.272 đồng và phí 1.600.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày 12/6/2019 trở đi nếu Công ty U không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Cần Thơ cấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Minh T1. Đồng thời buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty U như đã cam kết.

Bị đơn Công ty U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng A yêu cầu Công ty U phải trả số tiền là 3.137.894.782 đồng, trong đó tiền nợ gốc 2.399.677.414 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 48.582.648 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 680.379.448 đồng, tiền lãi phạt 7.655.272 đồng và phí 1.600.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày 12/6/2019 trở đi Công ty U không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Cần Thơ cấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Minh T1. Đồng thời buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty U như đã cam kết là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét Ngân hàng A yêu cầu Công ty U trả tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0308576043, đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 04/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty U có trụ sở chính tại: Số 1113 đường N, Phường W, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Ngân hàng A khởi kiện Công ty U tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn Công ty U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà

Nguyễn Thị Huỳnh T2 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, bị đơn Công ty U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Công ty U, ông Nguyễn Minh T1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt Công ty U và ông Nguyễn Minh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét Ngân hàng A yêu cầu Công ty U trả tiền nợ gốc còn thiếu 2.399.677.414 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.283.120716 ngày 19/7/2016; Khế ước nhận nợ số 05 tài khoản số 230823039 ngày 20/01/2017 số tiền 900.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 06 tài khoản số 235158919 ngày 31/3/2017 số tiền 750.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 07 tài khoản số 235491519 ngày 05/4/2017 số tiền 350.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số PHT.DN.295.120176 ngày 19/7/2016 số tiền 400.000.000 đồng, thể hiện Công ty U đã vay và nhận đủ số tiền nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty U trả số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ.

[5] Xét Ngân hàng A yêu cầu Công ty U trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 05 tài khoản số 230823039 ngày 20/01/2017, tiền lãi phải trả từ ngày 20/7/2017 đến ngày 11/6/2019, trong đó lãi trong hạn 7.875.000 đồng, lãi quá hạn 272.081.250 đồng; Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 06 tài khoản số 235491519 ngày 05/4/2017, tiền lãi phải trả từ ngày 30/9/2017 đến ngày 11/6/2019, trong đó lãi trong hạn 25.181.507, lãi quá hạn 200.327.055 đồng và lãi phạt 4.571.912 đồng; Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 07 tài khoản số 235491519 ngày 05/4/2017, tiền lãi phải trả từ ngày 05/10/2017 đến ngày 11/6/2019, trong đó lãi trong hạn 11.750.370 đồng, lãi quá hạn 92.730.822 đồng và lãi phạt 2.117.461 đồng của Hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.283.120716 ngày 19/7/2016 và Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.295.120176 ngày 19/7/2016, tiền lãi phải trả từ ngày 19/7/2016 đến ngày 11/6/2019, trong đó lãi trong hạn 3.774.771 đồng, lãi quá hạn 115.240.321 đồng, lãi phạt 965.899 đồng và phí quản lý tài khoản thấu chi 1.600.000 đồng. Tổng tiền lãi mà Công ty U còn nợ là 1.738.217.367 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.283.120716 ngày 19/7/2016 giữa Ngân hàng A và Công ty U đã thỏa thuận về mức lãi suất là 9,3%/năm và Hợp đồng cấp tín dụng số

PHT.DN.295.120176 ngày 19/7/2016 giữa Ngân hàng A và Công ty U đã thỏa thuận về lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty U đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty U trả số tiền nợ lãi nêu trên là có căn cứ.

[6] Xét sự thỏa thuận giữa Ngân hàng A và Công ty U tại các hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

[7] Xét trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHT.BĐDN.97.120716 ngày 15/7/2016 giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Minh T1, trong đó ông Nguyễn Minh T1 cam kết trường hợp Công ty U không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên nhận thế chấp Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 do Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/11/2014 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh T1 để thu hồi nợ. Ngoài ra ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 có văn bản cam kết trường hợp Công ty U không trả nợ, tài sản thế chấp của ông Nguyễn Minh T1 không đủ thì ông T1, bà Trang sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty U. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa Ngân hàng A, ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 có trách nhiệm liên đới trả nợ là có căn cứ.

[8] Xét Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A yêu cầu Công ty U trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty U phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận. Ngân hàng A được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91; Điều 96 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền: 3.137.894.782 (Ba tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi hai) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc 2.399.677.414 (Hai tỷ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm mười bốn) đồng; Tiền nợ lãi trong hạn 48.582.648 (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng; Tiền nợ lãi quá hạn 680.379.448 (Sáu trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám) đồng; Tiền lãi phạt 7.655.272 (Bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi hai) đồng và phí 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ngoài số tiền nêu trên, kể từ ngày 12/6/2019 trở đi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo Hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.283.120716 ngày 19/7/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng số PHT.DN.295.120176 ngày 19/7/2016 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

1.3 Ngay khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/11/2014 đối với thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ cho ông Nguyễn Minh T1.

1.4 Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 644 tờ bản đồ số 07, khu dân cư G, phường J, quận X, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ cấp GCN: CH 02975 do Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/11/2014 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Minh T1 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp của ông Nguyễn Minh T1 không đủ thì ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U phải chịu án phí 94.757.896 (Chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi sáu) đồng.

2.2 Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 41.753.996 (Bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007619 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Phát triển U, ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Tuấn Nhu**